

THỰC TRẠNG KINH TẾ PHI CHÍNH THỨC Ở VIỆT NAM VÀ NHỮNG KHUYẾN NGHỊ CHÍNH SÁCH

TS. Nguyễn Văn Đoàn *

Tóm tắt: Kinh tế phi chính thức (KTPCT) là tập hợp các đơn vị sản xuất ra sản phẩm vật chất và dịch vụ với mục tiêu chủ yếu nhằm tạo ra công ăn việc làm và thu nhập cho người lao động. Đối với Việt Nam, các cơ sở thuộc khu vực KTPCT tồn tại hầu hết ở các xã, phường. Tuy nhiên, cho đến nay thực trạng KTPCT chưa được đánh giá và xem xét trên góc độ chính sách cũng như đo lường bằng những con số thống kê về quy mô, mức độ của kinh tế khu vực KTPCT. Bài viết cung cấp cho bạn đọc những bất cập đang có hiện nay, đồng thời đưa ra một số giải pháp khuyến nghị về chính sách đối với khu vực KTPCT.

Từ khóa: Kinh tế phi chính thức, kinh tế chưa/không được quan sát, kinh tế ngầm, kinh tế bất hợp pháp, kinh tế hộ gia đình tự sản tự tiêu, kinh tế bóng đen, kinh tế chìm.

Abstract: The informal economy (IE) is a group of businesses that produce goods and services with an attempt to majorly create jobs and income for labourers. For Vietnam, the enterprises of informal economy exist mostly in communes and wards. Up to now, the reality of informal economy has, however, not been evaluated and considered in terms of policy as well as measurement by statistics on the scale and extent of the economy in the informal economic area. The article provides readers with the current shortcomings, and offers some recommendations of policies for informal economy.

Keywords: Informal economy, non-observed economy, latent economy, illegal economy, household self-production and self-consumption economy, shadow economy, hidden economy.

Tương tự nhiều quốc gia trên thế giới, đặc biệt là các quốc gia đang phát triển như Việt Nam, các cơ sở thuộc khu vực KTPCT tồn tại và hoạt động ở hầu hết các xã, phường trên phạm vi toàn quốc. Tuy nhiên, thực trạng về khu vực KTPCT ở nước ta chưa được xem xét và đánh giá một cách chính thức trên phương diện chính sách, cũng như đo lường bằng các con số thống kê về quy mô, mức độ,... Thậm chí, có khá nhiều người coi khu vực KTPCT là “kinh tế bóng đen”,

“kinh tế chìm”, “kinh tế không được quan sát”[2]. Năm 2007, Viện Khoa học Thống kê (Tổng cục Thống kê) đã chủ trì, phối hợp với Cơ quan Nghiên cứu phát triển, thể chế và phân tích dài hạn (DIAL-IRD) của Pháp thực hiện nghiên cứu về khu vực KTPCT với chiến lược thu thập thông tin về khu vực này như sau: (i) Cải tiến mới cuộc điều tra lao động và việc làm; (ii) Tiến hành điều tra chuyên biệt về khu vực KTPCT dựa trên dàn mẫu của điều tra lao động và việc làm ở Hà Nội và

* Viện trưởng Viện Khoa học thống kê

TP HCM. Điều tra chuyên biệt này cung cấp các ước lượng sát thực về các chỉ tiêu quan trọng của khu vực KTPCT. Kết quả nghiên cứu đã được trình bày tại nhiều hội thảo trong nước và quốc tế, phổ biến trên các ấn phẩm và gửi tới Văn phòng Chính phủ để báo cáo Thủ tướng. Đặc biệt, năm 2017 Viện Khoa học Thống kê đã gửi Phó Thủ tướng Vương Đình Huệ báo cáo kết quả nghiên cứu kèm theo một số ấn phẩm về khu vực KTPCT. Hiện nay, Tổng cục Thống kê đang chủ trì phối hợp với các bộ, ngành soạn thảo Đề án “Thống kê khu vực chưa quan sát được” theo ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Vương Đình Huệ, nhằm phản ánh đầy đủ quy mô GDP của Việt Nam. Bài viết này tập trung trình bày tổng quan về khu vực KTPCT; phân biệt hoạt động KTPCT với các hoạt động kinh tế ngầm, phi pháp; thực trạng khu vực KTPCT ở Việt Nam; một số khuyến nghị về chính sách đối với khu vực KTPCT.

1. Tổng quan về khu vực kinh tế phi chính thức

- **Khái niệm:** Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO) và Cơ quan Thống kê Liên hợp quốc (UNSD) đưa ra khái niệm về khu vực KTPCT – được hiểu một cách chung nhất – là tập hợp các đơn vị sản xuất ra sản phẩm vật chất và dịch vụ với mục tiêu chủ yếu nhằm tạo ra công ăn việc làm và thu nhập cho người lao động. Các đơn vị này thường tổ chức theo quy mô nhỏ, chủ yếu dựa trên quan hệ lao động không thường xuyên, quan hệ họ hàng hoặc quan hệ cá nhân hơn là những quan hệ qua hợp đồng với những đảm bảo chính thức [4].

- **Đặc điểm:** Cơ sở sản xuất-kinh doanh thuộc khu vực KTPCT có các đặc điểm: hợp pháp; không phải đăng ký kinh doanh; quy mô nhỏ (theo doanh thu hoặc lao động); sổ sách kế toán không hoàn chỉnh; chi phí sản xuất thường không phân biệt với chi tiêu

của hộ gia đình, các tài sản, như nhà cửa, xe cộ, thường được sử dụng chung cùng với nhu cầu tiêu dùng của hộ gia đình.

- **Tiêu chí xác định:** ILO đưa ra 3 tiêu chí xác định cơ sở sản xuất-kinh doanh thuộc khu vực KTPCT: (i) Quy mô lao động; (ii) Không đăng ký kinh doanh theo các hình thức cụ thể của pháp luật; (iii) Không thực hiện việc đăng ký cho người lao động (hợp đồng lao động, bảo hiểm, thất nghiệp).

- **Phạm vi khu vực KTPCT:** Về mặt lý thuyết, các cơ sở kinh doanh thuộc khu vực KTPCT hoạt động trong tất cả các ngành. Tuy nhiên, phạm vi thống kê khu vực KTPCT phụ thuộc vào điều kiện mỗi quốc gia. Khi phân tích số liệu cần tách riêng ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản.

Nhiều quốc gia trên thế giới đã vận dụng các khuyến nghị của ILO vào điều kiện thực tiễn của mình để xác định tiêu chí, phạm vi khu vực KTPCT (B.1). Trong B.1, có thể thấy mỗi nước xác định cơ sở kinh doanh thuộc khu vực KTPCT theo một hoặc đồng thời cả ba tiêu chí: không có tư cách pháp nhân (không đăng ký), quy mô lao động hoặc hạch toán kế toán chưa hoàn chỉnh. Về phạm vi, khu vực KTPCT của nhiều nước không bao phủ các ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản.

2. Phân biệt khu vực KTPCT với khu vực kinh tế chưa quan sát được

Hệ thống tài khoản quốc gia (SNA) phiên bản 2008 dành riêng Chương 25 hướng dẫn về các khía cạnh phi chính thức của nền kinh tế, trong đó đề cập đến khu vực kinh tế chưa quan sát được. Tuy nhiên, thực tế có không ít các nhà phân tích kinh tế thường nhầm lẫn khu vực KTPCT với khu vực NOE.

Khu vực NOE là tất cả các hoạt động sản xuất-kinh doanh không thể thu thập được trong các nguồn dữ liệu cơ bản để biên soạn tài khoản quốc gia, bao gồm hoạt động

kinh tế ngầm (KTN), hoạt động kinh tế bất hợp pháp (KTBHP), hoạt động KTPCT, hoạt động kinh tế hộ gia đình tự sản tự tiêu, và các hoạt động kinh tế bị bỏ sót trong các chương trình thu thập dữ liệu cơ bản.

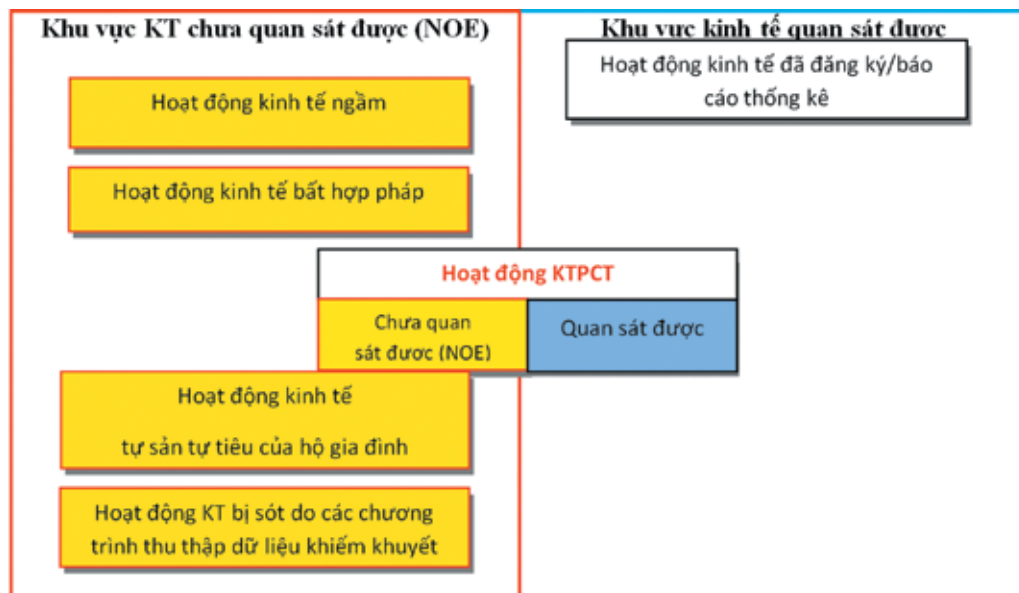
Như vậy, khu vực NOE, gồm 5 thành tố: (i) Hoạt động KTN; (ii) Hoạt động KTBHP; (iii) Hoạt động KTPCT không quan sát được; (iv) Hoạt động kinh tế hộ gia đình tự sản, tự tiêu; (v)

Bảng 1. Tiêu chí và phạm vi khu vực kinh tế phi chính thức của một số quốc gia

TT	Quốc gia	Tiêu chí xác định khu vực kinh tế phi chính thức	Phạm vi
1	Braxin	- Không có tư cách pháp nhân; - Quy mô lao động nhỏ hơn ngưỡng nhất định.	Trừ nông, lâm nghiệp, thủy sản
2	Mexico	- Không có tư cách pháp nhân; - Không có sổ sách kế toán hoàn chỉnh; - Chưa đăng ký.	Trừ nông, lâm nghiệp, thủy sản
3	Panama	- Không có tư cách pháp nhân; - Quy mô lao động nhỏ hơn ngưỡng nhất định.	Trừ nông, lâm nghiệp, thủy sản
4	Châu Phi	- Không có tư cách pháp nhân; - Chưa đăng ký với cơ quan nhà nước; và/hoặc: - Không có sổ sách kế toán hoàn chỉnh.	Trừ nông, lâm nghiệp, thủy sản
5	Ethiopia	- Không có tư cách pháp nhân; - Không có sổ sách kế toán hoàn chỉnh; - Quy mô lao động nhỏ hơn ngưỡng nhất định hoặc không có giấy phép.	Trừ nông, lâm nghiệp, thủy sản
6	Mali	- Quy mô lao động nhỏ hơn ngưỡng nhất định hoặc không có giấy phép; - Chưa đăng ký với bảo đảm xã hội; - Không có sổ sách kế toán hoàn chỉnh.	Trừ nông, lâm nghiệp, thủy sản
7	Tanzania	Không có tư cách pháp nhân	Trừ nông, lâm nghiệp, thủy sản
8	Moldova	Chưa đăng ký	Trừ nông, lâm nghiệp, thủy sản
9	Nga	- Không có tư cách pháp nhân; hoặc: - Chưa đăng ký kinh doanh .	Tất cả các ngành
10	Nhật Bản	- Không có tư cách pháp nhân; - Quy mô lao động nhỏ hơn ngưỡng nhất định.	Trừ nông, lâm nghiệp, thủy sản
11	Ấn Độ	Không có tư cách pháp nhân	Trừ nông, lâm nghiệp, thủy sản
12	Pakistan	- Không có tư cách pháp nhân; - Quy mô lao động nhỏ hơn một ngưỡng nhất định	Trừ nông, lâm nghiệp, thủy sản
13	Philippine	- Không có tư cách pháp nhân; - Quy mô lao động nhỏ hơn ngưỡng nhất định. - Không có sổ sách kế toán hoàn chỉnh.	Tất cả các ngành

Hoạt động kinh tế khác bị bỏ sót do các chương trình thu thập dữ liệu cơ bản chưa được hoàn hảo. Ở đây, NOE chỉ bao gồm một phần khu vực KTPCT chưa quan sát được, chứ không phải toàn bộ khu vực KTPCT. Khu vực KTPCT dễ dàng phân biệt với khu vực NOE (H.1).

3. Khu vực kinh tế phi chính thức của Việt Nam



H.1. Sơ đồ phân định khu vực KTPCT với NOE trong SNA 2008

- **Tiêu chí xác định:** Hộ kinh doanh đảm bảo đồng thời hai tiêu chí: quy mô theo lao động dưới 10 người; và không đăng ký kinh doanh[1];

- **Phạm vi:** Không bao gồm ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản;

- **Đặc điểm:** Khu vực KTPCT có những đặc điểm của cơ sở sản xuất-kinh doanh cá thể, doanh nghiệp hộ gia đình: (i) Tài sản cố định và những tài sản khác không thuộc về đơn vị sản xuất, mà thuộc về chủ sở hữu đầu tư; (ii) Các đơn vị này không thể đứng ra ký kết hợp đồng với các doanh nghiệp khác theo luật định và cũng không thể đứng ra tự trang trải nợ với tư cách của mình; (iii) Chủ sở hữu phải tự cân đối thu chi, tự chịu rủi ro; (iv) Chi phí sản

a) **Khái niệm, tiêu chí, phạm vi xác định khu vực KTPCT của Việt Nam**

- **Khái niệm:** Khu vực KTPCT bao gồm các hộ kinh doanh [3] không có tư cách pháp nhân, sản xuất một hoặc một số sản phẩm (vật chất, dịch vụ) để bán hoặc trao đổi, không có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật;

xuất không phân biệt được với chi phí sinh hoạt gia đình. Tương tự, việc sử dụng hàng hoá có giá trị, như nhà cửa hay xe cộ, không phân biệt được là dành cho kinh doanh hay mục đích tiêu dùng của gia đình.

b) **Quá trình tồn tại của hộ kinh doanh**

- Giai đoạn 1954-1957, Nghị quyết của Bộ Chính trị (tháng 9/1954) ghi: “Phải hết sức coi công tác phục hồi công thương nghiệp, làm cho các xí nghiệp công tư hiện có tiếp tục kinh doanh”. Nghị định số 489/TTg (30/3/1955) của Chính phủ cũng nói đến Điều lệ đăng ký các loại hình kinh doanh công thương nghiệp. Kết quả là khung khổ pháp lý cho loại hình kinh doanh cá thể được hợp thức hóa, khu vực kinh tế cá thể phi nông nghiệp phát triển mạnh mẽ

(55.000 cơ sở, hơn 160.000 lao động; đóng góp 80% tổng mức bán lẻ của cả nước).

- Miền Bắc (từ 1958) và cả nước (sau 1975) thực hiện công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với tiểu thủ công thương. Điều 24 của Hiến pháp 1980 quy định “những người buôn bán nhỏ được hướng dẫn và giúp đỡ chuyển sang sản xuất hoặc làm nghề thích hợp khác”. Nghị định số 119-CP của Chính phủ ngày 9/4/1980 đã nói về Điều lệ đăng ký kinh doanh công thương nghiệp áp dụng cho khu vực kinh tế tập thể và cá thể. Kết quả là các cơ sở thương nghiệp, tiểu chủ đã vào các hợp tác xã, tổ hợp tác, nền kinh tế lúc đó chủ yếu gồm hai loại hình kinh tế: doanh nghiệp nhà nước và hợp tác xã.

- Giai đoạn 1986-1990: Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI (12/1986) xác định “Phát triển cơ cấu kinh tế nhiều thành phần để giải phóng năng lực sản xuất”. Nghị định số 15/NĐ-BCT (1988) của Bộ Chính trị nói về đổi mới cơ chế quản lý đối với các cơ sở kinh tế ngoài quốc doanh. Nghị định số 29/NĐ-HĐBT (9/3/1988) của Hội đồng Bộ trưởng đề ra tiêu chí quy định về kinh tế gia đình, hộ cá thể, hộ tiểu chủ công nghiệp. Luật Doanh nghiệp tư nhân, Luật Công ty ra đời ngày 21/12/1990.

- Giai đoạn 1991-1999: Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VII tiếp tục khẳng định quan điểm khuyến khích đối với khu vực kinh tế cá thể. Nghị định số 66/HĐBT (2/3/1992) là bước đột phá trong việc minh bạch thủ tục cấp phép kinh doanh cho các cơ sở kinh doanh cá thể.

- Giai đoạn hiện nay: Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ dành toàn bộ Chương III với 13 điều

(từ Điều 66 đến Điều 79), quy định đối với hộ kinh doanh. Theo đó, hộ kinh doanh do một cá nhân hoặc một nhóm người gồm các cá nhân là công dân Việt Nam đủ 18 tuổi, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, hoặc một hộ gia đình làm chủ, chỉ được đăng ký kinh doanh tại một địa điểm, sử dụng dưới 10 lao động và chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình đối với hoạt động kinh doanh (Khoản 2, Điều 66). Hộ gia đình sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp, làm muối và những người bán hàng rong, quà vặt, buôn chuyến, kinh doanh lưu động, làm dịch vụ có thu nhập thấp không phải đăng ký, trừ trường hợp kinh doanh các ngành, nghề có điều kiện, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quy định mức thu nhập thấp áp dụng trên phạm vi địa phương (Khoản 3, Điều 66).

Như vậy, các hộ kinh doanh đã tồn tại một cách khách quan từ rất lâu ở nước ta, ngày càng phát triển và trở thành nét văn hóa đặc thù: “văn hóa kinh doanh vỉa hè”. Tuy nhiên, thuật ngữ “khu vực kinh tế phi chính thức” được dùng phổ biến trong các công trình nghiên cứu, nhưng chưa được sử dụng một cách chính thức trong các văn bản quy phạm pháp luật, kể cả trong các số liệu thống kê nhà nước ⁽¹⁾.

c) Đo lường khu vực KTPCT của Việt Nam

Trên cơ sở khái niệm, tiêu chí, phạm vi khu vực KTPCT của nước ta, như đã đề cập ở trên, ánh xạ vào các văn bản pháp lý, cũng như các cuộc điều tra thống kê định kỳ do Tổng cục Thống kê tiến hành ⁽²⁾ và cuộc điều tra khu vực KTPCT tại Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh (2008) ⁽³⁾, chúng ta có thể bóc tách được số liệu về số cơ sở, số lao động thuộc khu vực KTPCT. Cụ thể:

¹ Thuật ngữ “Việc làm phi chính thức” đã được sử dụng trong một số lĩnh vực.

² Tổng điều tra kinh tế; Điều tra cơ sở sản xuất-kinh doanh cá thể phi nông nghiệp; Điều tra lao động việc làm.

³ Là cuộc điều tra thống kê đầu tiên và duy nhất (cho đến thời điểm này) về khu vực KTPC.

- Tổng điều tra kinh tế đã tiến hành được 5 kỳ vào các năm 1995, 2002, 2007, 2012 và 2017. Tuy nhiên, chỉ có năm 2012, 2017 mới thu thập thông tin về tình trạng đăng ký kinh doanh của các cơ sở sản xuất-kinh doanh cá thể phi nông nghiệp. Căn cứ vào thông tin về tình trạng đăng ký kinh doanh, chúng ta bóc tách được số liệu về số cơ sở, số lao động thuộc khu vực KTPCT từ cuộc Tổng điều tra này (B.2).

Bảng 2. Số lượng và lao động của các cơ sở sản xuất-kinh doanh phi nông nghiệp

Năm	Cơ sở sản xuất-kinh doanh (cơ sở)			Lao động (người)		
	Tổng số	Khu vực KTPCT		Tổng số	Khu vực KTPCT	
		Cơ sở	%		Người	%
1995	1.879.402	1.237.767	65,86	3.241.129	2.128.959	65,69
2002	2.619.341	1.189.908	45,43	4.436.747	1.880.055	42,37
2007	3.748.138	2.716.996	72,49	6.593.867	4.415.412	66,96
2012	4.624.885	2.829.684	61,18	7.946.699	4.258.684	53,59
2017	5.142.978	3.259.156	63,37	8.701.326	4.895.419	56,26

Số liệu ở B.2 cho thấy tỷ trọng số cơ sở sản xuất-kinh doanh cá thể không đăng ký kinh doanh (hay thuộc khu vực KTPCT) chiếm tỷ trọng trên 60% tổng số các cơ sở sản xuất-kinh doanh cá thể phi nông nghiệp (riêng năm 2002 chiếm dưới 50%). Số lao động trong khu vực KTPCT chiếm tỷ trọng thấp hơn so với số cơ sở.

- Điều tra các cơ sở sản xuất-kinh doanh cá thể phi nông nghiệp được tiến

hành định kỳ vào ngày 01/10 hàng năm (trừ những năm Tổng điều tra kinh tế). Đây là các cuộc điều tra mẫu đại diện cấp tỉnh và toàn quốc. Tuy nhiên, chúng không thu thập thông tin về tình trạng kinh doanh của các cơ sở. Để có đầy số liệu từ năm 2013 đến năm 2016, ta sử dụng cơ cấu trung bình 2 năm tổng điều tra (2012, 2017) để tính ra số cơ sở, số lao động thuộc khu vực KTPCT như trình bày ở B.3 dưới đây.

Bảng 3. Số lượng và lao động của các cơ sở sản xuất-kinh doanh phi nông nghiệp thuộc khu vực kinh tế phi chính thức

Năm	Cơ sở sản xuất-kinh doanh (cơ sở)		Lao động (người)	
	Cơ sở	Tốc độ phát triển liên hoàn, %	Số lượng	Tốc độ phát triển liên hoàn, %
2010	2.336.418	100,0	3.625.712	100,0
2011	2.298.145	98,4	3.683.847	101,6
2012	2.484.735	108,1	3.937.560	106,9
2013	2.571.268	103,5	4.075.919	103,5
2014	2.640.748	102,7	4.155.865	102,0
2015	2.829.684	107,2	4.258.684	102,5
2016	2.827.564	99,9	4.252.278	99,8
2017	2.911.900	103,0	4.368.874	102,7

Nguồn: Số liệu năm 2012, 2017 là kết quả tổng điều tra kinh tế;

- Số liệu năm 2013, 2014, 2015, 2017 tính từ kết quả điều tra các cơ sở sản xuất-kinh doanh phi nông nghiệp (theo cơ cấu trung bình của năm 2012, 2017).

Số liệu ở B.3 cho thấy tốc độ phát triển liên hoàn (năm sau so với năm trước) đối với các năm điều tra, nhưng bị “gãy” đối với các năm tổng điều tra. Nói cách khác, số cơ sở sản xuất-kinh doanh cá thể thuộc khu vực KTPCT phát triển liên tục hàng năm trong giai đoạn 2010-2017, trừ các năm tiến hành tổng điều tra kinh tế (năm 2012, 2017 giảm so với năm trước đó).

- *Điều tra lao động việc làm.* Từ năm 2014 đến nay, Tổng cục Thống kê đã bổ sung thông tin về lao động có việc làm phi

chính thức vào bảng hỏi trong điều tra lao động việc làm hàng năm[4] để thu thập thông tin liên quan đến lao động phi chính thức trong nền kinh tế. Lao động phi chính thức trong nền kinh tế bao gồm: (i) Lao động phi chính thức trong khu vực KTPCT và (2) Lao động phi chính thức trong khu vực kinh tế chính thức. Điều tra lao động việc làm đã ước lượng được số lao động phi chính thức ở nước ta là 16.829.100 người, 17.534.200 người và 18.018.400 người tương ứng với các năm 2014, 2015 và 2016 (B.4).

Bảng 4. Lao động và lao động phi chính thức làm việc giai đoạn 2014-2016

Năm	Tổng số, ngàn người	Lao động phi chính thức	
		Số lượng, ngàn người	So với tổng số, %
2014	52.744,50	16.829,10	31,9
2015	52.840,00	17.534,20	33,2
2016	53.302,80	18.018,40	33,8

Nguồn: Điều tra lao động việc làm của Tổng cục Thống kê

B.4 cho thấy lao động phi chính thức trong nền kinh tế chiếm khoảng 1/3 tổng số lao động có việc làm của nền kinh tế và tăng liên tục trong 3 năm qua. Cụ thể, năm 2014 lao động phi chính thức chiếm 31,9%, năm 2015 và năm 2016 con số này là 33,2% và 33,8%. Như vậy, qua kết quả Tổng điều tra kinh tế, điều tra các cơ sở sản xuất-kinh doanh cá thể phi nông nghiệp, điều tra lao động việc làm cho thấy một phần khu vực KTPCT và lao động phi chính thức đã được tích hợp vào nền kinh tế quốc dân. Phần còn lại của khu vực KTPCT chưa quan sát được.

- *Điều tra khu vực KTPCT tại Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh.* Như trình bày ở đầu bài, năm 2007 Viện Khoa học Thống kê đã chủ trì nghiên cứu sâu về khu vực KTPCT, trong đó đã tiến hành cuộc điều tra khu vực KTPCT tại hai thành phố lớn là Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh. Kết quả nghiên cứu này đã được phổ biến thông qua các ấn phẩm và hội thảo ở trong nước và quốc tế. Đặc biệt, kết quả nghiên cứu đã được báo cáo

Văn phòng Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ (2010) và Phó Thủ tướng Vương Đình Huệ. Mặc dù nghiên cứu này đã được thực hiện 10 năm nay, nhưng vẫn có ý nghĩa khoa học và thực tiễn.

Dưới đây là một số kết luận chính rút ra từ kết quả điều tra khu vực KTPCT nói trên.

(1) *Số lượng hộ sản xuất-kinh doanh phi chính thức đang tăng lên.* Năm 2009, tại Hà Nội có 725.000 hộ và ở TP. Hồ Chí Minh là 967.000 hộ. Với sự mở rộng địa giới hành chính của Hà Nội, số lượng hộ sản xuất-kinh doanh phi chính thức thống kê được đã tăng gấp 2,3 lần giữa hai năm 2007 và 2009. Nếu xét theo địa bàn Hà Nội mới, tốc độ tăng số hộ sản xuất-kinh doanh phi chính thức ước tính được là 23%. Ở TP. Hồ Chí Minh, tốc độ tăng số hộ sản xuất-kinh doanh phi chính thức giữa hai năm là 29%.

(2) *Khu vực KTPCT vẫn có vị trí dẫn đầu trong việc cung cấp việc làm ở Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh.* Điều tra lao động việc làm năm 2009 đã thống kê được 3.326.000 việc làm ở Hà Nội và 3.670.000 việc làm ở

TP. Hồ Chí Minh. Trong đó, số việc làm khu vực KTPCT chiếm 32% tổng số việc làm ở Hà Nội và 34% ở TP. Hồ Chí Minh (57% và 41% tổng số việc làm phi nông nghiệp ở mỗi thành phố). Những con số này khẳng định khu vực KTPCT là nơi cung cấp việc làm hàng đầu ở cả hai thành phố. Trong thời gian giữa hai năm 2007 và 2009, số trong khu vực KTPCT đã tăng 56.000 việc làm ở Hà Nội (6%) và 206.000 việc làm ở TP. Hồ Chí Minh (19%). Ở TP. Hồ Chí Minh, tỷ trọng việc làm thuộc khu vực này đã tăng 1 điểm phần trăm giữa hai năm 2007 và 2009 và đóng góp 40% số việc làm mới tạo ra.

(3) *Tầm quan trọng ngày càng tăng thêm của khu vực KTPCT về phương diện kết quả sản xuất.* Doanh thu năm 2009 của toàn bộ khu vực phi nông nghiệp phi chính thức là 143.000 tỷ đồng ở Hà Nội và 138.000 tỷ đồng ở TP. Hồ Chí Minh. Các hộ sản xuất-kinh doanh phi chính thức ở Hà Nội đã sản xuất được khối lượng sản phẩm và dịch vụ tương ứng với 69.000 tỷ đồng và tạo ra 34.000 tỷ đồng giá trị tăng thêm. Ở TP. Hồ Chí Minh, các hộ sản xuất-kinh doanh phi chính thức sản xuất được 72.000 tỷ đồng giá trị, tạo ra được 40.000 tỷ đồng giá trị tăng thêm. Mỗi nhóm ngành (sản xuất, thương mại, dịch vụ) tạo ra khoảng 1/3 tổng giá trị tăng thêm trong khu vực này ở Hà Nội,

trong khi 1/2 giá trị tăng thêm của khu vực này ở TP. Hồ Chí Minh do các hộ sản xuất-kinh doanh dịch vụ tạo ra. Các hộ sản xuất-kinh doanh chính thức có vai trò ít quan trọng hơn so với các hộ sản xuất-kinh doanh phi chính thức về phương diện đóng góp vào giá trị sản xuất và giá trị tăng thêm ở cả hai thành phố.

4. Một số khuyến nghị về chính sách

(1) Chính phủ, cụ thể là Bộ Tài chính, cần cân đối ngân sách để triển khai thực hiện Đề án “Thống kê khu vực kinh tế chưa được quan sát”, nhằm đo lường đầy đủ khu vực kinh tế chưa quan sát được (NOE), trong đó có khu vực KTPCT. Nếu chưa có số liệu đầy đủ, chính xác về khu vực NOE, mọi chính sách về khu vực này đều thiếu bằng chứng sẽ xuất hiện nhiều rủi ro cho nền kinh tế nói chung và khu vực NOE;

(2) Khu vực KTPCT ở nước ta tồn tại một cách khách quan, do đó, sớm chính thức hóa thuật ngữ “Khu vực kinh tế phi chính thức” trên phương diện văn bản pháp lý và thông tin thống kê nhà nước;

(3) Hoàn thiện hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách quản lý kinh tế, nhằm khuyến khích các cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể thuộc khu vực KTPCT chuyển sang khu vực doanh nghiệp. Cần có chính sách cụ thể hỗ trợ, bảo vệ các cơ sở sản xuất-kinh doanh chính thức thuộc khu vực KTPCT.

Tài liệu tham khảo

1. Chính phủ. *Nghị định số 78/2015/NĐ-CP* ngày 14/9/2015.
2. *Kinh tế phi chính thức ở Việt Nam và một số kiến nghị.* <http://tapchitaichinh.vn/ngnien-cuu--trao-doi/trao-doi-binh-luan/kinh-te-phi-chinh-thuc-o-viet-nam-va-mot-so-khuyen-nghi-142008.html>
3. Luật doanh nghiệp 2014
4. Tổng cục Thống kê. *Kết quả tổng điều tra kinh tế năm 1995, 2002, 2007, 2012, 2017*
5. Tổng cục Thống kê. *Kết quả điều tra cơ sở sản xuất-kinh doanh cá thể phi nông nghiệp hàng năm.*
6. Tổng cục Thống kê. *Kết quả điều tra lao động việc làm năm 2014-2016.*
7. Viện Khoa học Thống kê. *Khu vực kinh tế phi chính thức ở Việt Nam: kết quả điều tra tại Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh.*
8. Viện Khoa học Thống kê. *Chuyên san về khu vực kinh tế phi chính thức.*